

(Giá bán đã bao gồm VAT)

Áp dụng từ ngày : 01/08/2025

MÃ SỐ	TÊN- KTHƯỚC	TB	STĐ	VG
CỬA ĐI 700 - LAMRI				
7002	Khung đứng 	408	384	440
7051	Trên dưới 	632	599	681
7052	Đứng trơn 	459	435	496
7052-4,4	Đứng trơn 	339	321	362
7052-4.8	Đứng trơn 	368	347	395
7053	Đứng móc 	516	486	555
7053-4,4	Đứng móc 	381	358	409
7053-4,8	Đứng móc 	413	390	446
7054	Đố giữa 	696	657	750
4222	Lá.s.vuông 	192	182	207
4332	Lá hộp 	362	342	388
CỬA SỔ LÙA 500				
5051	Máng Trên 	436	413	469
5052	Máng dưới 	413	390	446
5053	Khung đứng 	323	305	347
5054	Ngang trên 	238	225	257
5055	Ngang dưới 	309	293	333
5056	Đứng móc 	274	257	294
5057	Đứng trơn 	248	233	266
MẶT DỰNG 700				
7109	Ngang hở 	306	291	328
7005B	Ngang giữa 	457	432	494
7011	Đứng giữa 	498	470	538
7012	Đứng hộp 	469	442	508
7019	Đứng hở 	361	341	386
		TM	STĐ	VG
AS2008	Máng treo 	246	232	264
AS2008A	Máng treo 2L 	464	450	513

MÃ SỐ	TÊN- KTHƯỚC	TB	STĐ	VG
MẶT DỰNG CỬA ĐI HỆ 1000				
1104	Cánh móc 	850	803	915
1104-4,4	Cánh móc 	623	587	672
1104-4,8	Cánh móc 	678	641	733
1105	Cánh trơn 	736	695	793
1105-4,4	Cánh trơn 	540	510	581
1105-4,8	Cánh trơn 	587	555	633
VHO52	Khung bao 	616	581	664
VHO52A	Khung bao 	889	839	956
NHÔM HỘP				
20 x 30		142	136	153
25 x 25 (0.8mm)		175	164	187
25 x 38 (0.8mm)		220	209	235
25 x 50 (0.8mm)		248	237	271
25 x 76		329	311	358
38 x 76		425	401	451
30 x 50		250	237	264
76 x 76		763	721	822
25 x 100		502	473	542
100 x 100 (1.5mm)		1444	1364	1560
NHÔM NỆP GÀI - LÁ SÁCH				
7647	Nẹp lớn 	342	323	366
3930	K.bao đứng 	266	252	282
3931	Lá sách 	384	362	413
CỬA SỔ BẠT				
CAM3901	Khung bao 	233	223	251
CAM3903	Đứng cánh 	302	283	323
CAM3906	Gài nhỏ 	86	82	93